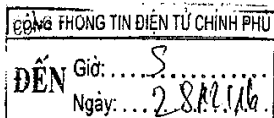


TĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2522/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2016 (đợt 3) của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 81/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2015 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2016;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 8116/BKHĐT-TH ngày 03 tháng 10 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư và danh mục dự án đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2016 (đợt 3) cho Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

1. Giao chỉ tiết danh mục dự án và mức vốn kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2016 của từng dự án nêu tại Điều 1 Quyết định này.

2. Chủ trì kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2016.

3. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về tính chính xác của các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án.

Điều 3. Giao Bảo hiểm xã hội Việt Nam:

1. Thông báo cho các đơn vị danh mục và mức kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2016 cho từng dự án theo quy định tại Điều 1 và khoản 1 Điều 2 Quyết định này và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 12 năm 2016.

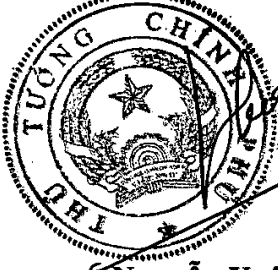
2. Thực hiện giải ngân và báo cáo giải ngân theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và Tổng Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, TKBT, KGVX;
- Lưu: VT, KTTH(3b). 32

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam

Phụ lục I

 **KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHO ĐẦU TƯ
NHƯNG CHƯA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016 (ĐỢT 3)**
(Kèm theo Quyết định số 2522 /QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước	Kế hoạch năm 2016
TỔNG SỐ	349.300
Tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội được trích lại để đầu tư	349.300



Phụ lục II

Bảo hiểm xã hội Việt Nam

**DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHO ĐẦU TƯ
NHỮNG CHƯA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016**

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 2522/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ					
I	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015				962.668	962.668
					21.997	21.997
1	Cải tạo, mở rộng trụ sở BHXH huyện Thanh Chương	Nghệ An	2011-2016	1276, ngày 5/9/2016	10.313	10.313
2	Trụ sở BHXH huyện Yên Thành	Nghệ An	2010-2016	1275, ngày 5/9/2016	11.684	11.684
II	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016				37.466	37.466
1	Trụ sở BHXH thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	2012-2016	1279, ngày 5/9/2016	15.677	15.677
2	Trụ sở BHXH quận Long Biên	Hà Nội	2013-2016	1270, ngày 5/9/2016	21.789	21.789
III	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016				42.780	42.780
1	Trụ sở BHXH huyện Tiên Du	Bắc Ninh	2015-2017	1263, ngày 05/9/2016	20.886	20.886
2	Trụ sở BHXH Thành phố Mỹ Tho	Tiền Giang	2015-2017	1281, ngày 05/9/2016	21.894	21.894
IV	Các dự án khởi công mới năm 2016				860.425	860.425
1	Cải tạo trụ sở BHXH tỉnh Bắc Kạn	Bắc Kạn	2016-2019	1160, ngày 12/8/2016	75.345	75.345
2	Cải tạo trụ sở BHXH tỉnh Lạng Sơn	Lạng Sơn	2016-2018	1158, ngày 12/8/2016	66.949	66.949

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN
3	Trụ sở BHXH tỉnh Bình Định	Bình Định	2016-2018	1159, ngày 12/8/2016	105.272	105.272
4	Trụ sở BHXH tỉnh Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	2016-2019	1138, ngày 12/8/2016	99.178	99.178
5	Trụ sở BHXH huyện Lương Tài	Bắc Ninh	2016-2018	1139, ngày 12/8/2016	21.532	21.532
6	Trụ sở BHXH huyện Bắc Tân Uyên	Bình Dương	2016-2017	1357, ngày 23/9/2016	21.000	21.000
7	Trụ sở BHXH thị xã Phước Long	Bình Phước	2016-2017	1141, ngày 12/8/2016	21.113	21.113
8	Trụ sở BHXH huyện Tân Yên	Bắc Giang	2016-2018	1161, ngày 12/8/2016	26.750	26.750
9	Trụ sở BHXH huyện Đắk Míl	Đắk Nông	2016-2017	1157, ngày 12/8/2016	20.431	20.431
10	Trụ sở BHXH huyện Trảng Bom	Đồng Nai	2016-2017	1156, ngày 12/8/2016	22.451	22.451
11	Trụ sở BHXH Thành phố Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	2016-2018	1154, ngày 12/8/2016	25.512	25.512
12	Trụ sở BHXH huyện Vĩnh Bảo	Hải Phòng	2016-2018	1140, ngày 12/8/2016	23.527	23.527
13	Trụ sở BHXH huyện Kim Động	Hưng Yên	2016-2018	1152, ngày 12/8/2016	26.750	26.750
14	Trụ sở BHXH huyện Yên Mỹ	Hưng Yên	2016-2018	1153, ngày 12/8/2016	24.136	24.136
15	Trụ sở BHXH huyện Diên Khánh	Khánh Hòa	2016-2018	1151, ngày 12/8/2016	18.830	18.830
16	Trụ sở BHXH huyện Bảo Lâm	Lâm Đồng	2016-2018	440, ngày 28/3/2016	16.316	16.316
17	Trụ sở BHXH huyện Châu Thành	Long An	2016-2018	1150, ngày 12/8/2016	20.345	20.345
18	Trụ sở BHXH huyện Thái Hòa	Nghệ An	2016-2018	1148, ngày 12/8/2016	19.509	19.509
19	Trụ sở BHXH huyện Quỳnh Lưu	Nghệ An	2016-2018	1149, ngày 12/8/2016	23.026	23.026
20	Trụ sở BHXH huyện Đông Giang	Quảng Nam	2016-2018	1147, ngày 12/8/2016	19.827	19.827
21	Trụ sở BHXH huyện Hiệp Đức	Quảng Nam	2016-2018	1146, ngày 12/8/2016	20.811	20.811
22	Trụ sở BHXH huyện Mỹ Tú	Sóc Trăng	2016-2018	1145, ngày 12/8/2016	22.875	22.875
23	Trụ sở BHXH quận Hà Đông	Hà Nội	2016-2018	1155, ngày 12/8/2016	33.075	33.075
24	Trụ sở BHXH huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	2016-2017	1143, ngày 12/8/2016	23.864	23.864

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN
25	Trụ sở BHXH huyện Hậu Lộc	Thanh Hóa	2016-2017	1144, ngày 12/8/2016	21.430	21.430
26	Trụ sở BHXH huyện Long Hồ	Vĩnh Long	2016-2018	1142, ngày 12/8/2016	19.748	19.748
27	Trụ sở BHXH huyện Trấn Yên	Yên Bái	2016-2018	1162, ngày 12/8/2016	20.823	20.823